

HƯỚNG DẪN

Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KCB);

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế quy định đăng ký KCB bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu và chuyển tuyến KCB BHYT;

Căn cứ Công văn số 4068/SYT-NVY ngày 20/11/2020 của Sở Y tế về việc danh sách cơ sở công lập đủ điều kiện KCB BHYT ban đầu năm 2021; Công văn số 4390/SYT-NVY ngày 10/12/2020 của Sở Y tế về việc danh sách cơ sở KCB tư nhân đủ điều kiện KCB BHYT ban đầu năm 2021.

Liên ngành Sở Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh thống nhất hướng dẫn việc đăng ký KCB BHYT ban đầu, dự kiến số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB và chuyển tuyến KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 như sau:

1. Nguyên tắc đăng ký KCB BHYT ban đầu

1.1. Đảm bảo người tham gia BHYT được lựa chọn nơi đăng ký KCB BHYT ban đầu tại tuyến xã và tương đương hoặc tuyến huyện và tương đương không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với nơi cư trú, công tác và khả năng đáp ứng của cơ sở KCB theo quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn này.

1.2. Các Bệnh viện ngoài công lập và Bệnh viện tuyến Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không thực hiện đăng ký KCB BHYT ban đầu đối với đối

tượng thuộc Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính Phủ.

1.3. Đăng ký KCB BHYT tại cơ sở KCB BHYT ban đầu tuyển tỉnh, tuyển Trung ương đối với trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện theo điểm d, khoản 2, Điều 9 Thông tư số 40/2015/TT-BYT.

1.4. Đảm bảo cân đối cơ cấu thẻ theo nhóm đối tượng tham gia BHYT tại các cơ sở KCB trên địa bàn phù hợp giữa địa giới hành chính và các nhóm đối tượng; tăng cường vai trò của tuyến y tế cơ sở, giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên đặc biệt là cơ sở KCB tuyển tỉnh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được KCB BHYT ban đầu ngay từ tuyến y tế cơ sở, ...

2. Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu

Người tham gia BHYT được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở y tế đủ điều kiện KCB BHYT ban đầu như sau:

2.1. Đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyển xã, tuyển huyện

2.1.1. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn xã, phường, thị trấn đó (trừ các đối tượng được ưu tiên, có nhu cầu đăng ký vào các cơ sở y tế tuyến trên).

2.1.2. Đăng ký KCB ban đầu tại Trạm Y tế cơ quan, đơn vị: Nhận đăng ký KCB ban đầu cho đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị đó quản lý.

2.1.3. Đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa đóng tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện nơi không có bệnh viện đa khoa huyện):

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn nơi bệnh viện, phòng khám đóng trụ sở;

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn khu vực lân cận có nguyện vọng đăng ký hoặc Trạm y tế xã, phường, thị trấn đóng tại địa bàn đó không thực hiện KCB BHYT ban đầu.

- Các phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế huyện được phân bổ thẻ đăng ký KCB ban đầu sau khi được ký hợp đồng KCB BHYT tại Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc: Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, bao gồm:

+ Thương binh, bệnh binh; người có công với cách mạng tham gia BHYT theo nhóm đối tượng người có công với cách mạng; người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên.

+ Cán bộ, công chức, viên chức tham gia BHYT trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, Đảng, hội, đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh đóng trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.

+ Trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn.

2.2. Đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến tỉnh và tuyến Trung ương:

Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng Trung ương và Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thanh Hóa: Người tham gia BHYT thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thành phố Sầm Sơn và một số xã giáp ranh thuộc huyện Quảng Xương, thành phố Thanh Hóa có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3. Đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB trên địa bàn khu vực thành phố Thanh Hóa

2.3.1. Bệnh viện 71 Trung ương:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Quảng Tâm, Quảng Phú, Quảng Cát, Quảng Đông, Quảng Thành, Quảng Đại, Quảng Minh, Quảng Hùng, Quảng Thọ, Quảng Châu, Quảng Hưng và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, bao gồm:

- Thương binh, bệnh binh; người có công với cách mạng tham gia BHYT theo nhóm đối tượng người có công với cách mạng; người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên.

- Cán bộ, công chức, viên chức tham gia BHYT trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, hội, đoàn thể cấp tỉnh;

- Người tham gia BHYT thuộc văn phòng Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;

- Cán bộ hưu trí Câu lạc bộ Hàm Rồng;

- Cán bộ, nhân viên thuộc Bệnh viện Tâm Thần, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phổi Thanh Hóa, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện Nội Tiết, Bệnh

viện Phụ Sản, Bệnh viện Ung Bướu, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm;

- Người có công với cách mạng tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng khác thuộc phường Đông Vệ, phường Quảng Thắng và xã Quảng Thịnh.

2.3.3. Phòng khám Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ:

Bao gồm đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý địa bàn lân cận có nhu cầu đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo hướng dẫn này.

2.3.4. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa:

Trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn thành phố Thanh Hoá.

2.3.5. Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa:

Người cư trú, công tác, học tập trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, bao gồm:

- Người có công với cách mạng nếu có nguyện vọng;
- Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên nếu có nguyện vọng;
- Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Thành ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố;
- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường: Trường Thi, Điện Biên, Quảng Hưng, Nam Ngạn và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.6. Bệnh viện đa khoa Hợp Lực:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Đông Thọ, Hàm Rồng, Đông Cương, Tào Xuyên và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.7. Bệnh viện đa khoa Thanh Hà:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Sơn, Điện Biên, Đông Hương, Đông Hải và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.8. Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Đông Vinh, Phú Sơn, Đông Lĩnh, An Hưng, Đông Tân, Thiệu Vân, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Thiệu Giao, Minh Tâm, Tân Châu, Đông Thịnh, Đông Yên và khu vực lân cận huyện Đông Sơn, Thiệu Hóa nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.9. Phòng khám đa khoa Tâm An:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường Tân Sơn, Phú Sơn và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.10. Phòng khám đa khoa Giao thông vận tải:

Người tham gia BHYT thuộc ngành Giao thông vận tải: Cán bộ, nhân viên đơn vị thuộc ngành Giao thông vận tải; cán bộ, nhân viên thuộc ngành Đường sắt và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

(Thực hiện Quyết định số 1922/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Cục Y tế Giao thông vận tải thuộc Bộ Giao thông vận tải; Công văn số 1753/UBND-VX ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh về việc tham mưu giải quyết đề nghị của Công ty TNHH MTV Bệnh viện đa khoa Hợp Lực tại Công văn số 367/CV-HL ngày 08/12/2020, sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận Phòng khám đa khoa Giao thông vận tải, Liên ngành sẽ chuyển danh sách đăng ký KCB BHYT ban đầu về cơ sở tiếp nhận phù hợp theo quy định).

2.3.11. Phòng khám đa khoa 95 Lê Hoàn:

Người tham gia BHYT thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế và người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường Lam Sơn, Ba Đình và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.12. Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn nơi phòng khám đặt trụ sở và người tham gia BHYT trên địa bàn và khu vực lân cận nếu có nguyện vọng

đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo hướng dẫn này.

2.3.13. Phòng khám đa khoa An Bình:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Vệ, Ngọc Trạo, Quảng Thắng và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.14. Phòng khám đa khoa 246:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Vệ, Ngọc Trạo, Quảng Thịnh và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.15. Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT là thân nhân Công an tỉnh Thanh Hóa cư trú, công tác trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Thanh Hóa.

2.3.16. Phòng khám đa khoa 246 cơ sở 2:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường Ba Đình và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.17. Phòng khám đa khoa Đoàn Dung:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường Đông Hương và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.18. Phòng khám đa khoa y học lâm sàng - Trường Cao đẳng y tế Thanh Hóa:

Nhận đăng ký KCB ban đầu cho đối tượng là cán bộ công chức, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên thuộc nhà trường và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

3. Quy định về chuyển tuyến KCB BHYT

- Người bệnh có thẻ BHYT được đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển tuyến KCB theo quy định tại: Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số

46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ y tế; Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế; Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26/02/2019 của Bộ Y tế quy định KCB và thanh toán chi phí KCB BHYT liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

- Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc: Tiếp nhận bệnh nhân được chuyển đến từ các cơ sở KCB đa khoa, chuyên khoa trong toàn tỉnh. Đối với người có thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các Trạm y tế có ký hợp đồng trực tiếp với TTYT huyện, khi đến KCB ngoại trú tại bệnh viện phải thực hiện chuyển tuyến KCB BHYT (được thông tuyến KCB BHYT nội trú tuyến tỉnh).

- Chuyển tuyến bệnh nhân ung thư thực hiện theo Công văn số 2000/SYT-NVY ngày 30/7/2019 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc hướng dẫn chuyển tuyến KCB BHYT đối với bệnh nhân ung thư.

(Chi tiết dự kiến số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu từng đơn vị tại phụ lục kèm theo).

Lưu ý:

- Người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại trạm y tế tuyến xã, phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện được quyền KCB BHYT tại trạm y tế tuyến xã, phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện trong cùng địa bàn tỉnh;

- Từ ngày 01/01/2021, quỹ BHYT chi trả chi phí điều trị nội trú theo mức hưởng ghi trên thẻ BHYT cho người tham gia BHYT khi tự đi KCB không đúng tuyến tại các cơ sở KCB BHYT tuyến tỉnh trong phạm vi cả nước.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Y tế

- Chỉ đạo các cơ sở KCB nâng cao chất lượng KCB đảm bảo quyền lợi cho người có thẻ BHYT, quản lý, sử dụng quỹ BHYT có hiệu quả, đúng mục đích;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan BHXH tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong KCB BHYT tại các cơ sở KCB.

4.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Phòng Quản lý Thu và Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn người tham gia BHYT lựa chọn nơi đăng ký hoặc thay đổi nơi đăng ký KCB ban đầu phù hợp, thuận tiện theo Hướng dẫn này; thông báo đến các đơn vị sử dụng lao động đóng trên địa bàn.

- Trường hợp thẻ đăng ký KCB ban đầu vượt quá dự kiến số lượng thẻ tại các cơ sở KCB BHYT thì Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố và phòng Quản lý Thu hướng dẫn người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB tuyến xã hoặc các cơ sở KCB khác tương đương tuyến huyện nơi đối tượng dự kiến đăng ký có số lượng thẻ chưa vượt quá dự kiến, đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc đã nêu (trừ các đối tượng người có công với cách mạng, người đủ từ 80 tuổi trở lên, trẻ em dưới 6 tuổi, cán bộ nghỉ hưu trong năm trên địa bàn thuộc các huyện, thị xã, thành phố mà người tham gia cư trú).

- Hằng quý (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) phòng Cấp sở, thẻ tổng hợp số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu tại từng cơ sở KCB, báo cáo Lãnh đạo BHXH tỉnh phối hợp với Sở Y tế để kịp thời thống nhất điều chỉnh cho phù hợp.

4.3. Các cơ sở KCB BHYT: Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người có thẻ BHYT những nội dung về chính sách pháp luật BHYT và thực hiện đúng các quy định của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội tỉnh để thống nhất xem xét, giải quyết./.

ĐẠI DIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Sợi

ĐẠI DIỆN SỞ Y TẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thái Hòa

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở y tế;
- Giám đốc các PGĐ BHXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng NVY, KHTC, Thanh tra Sở Y tế;
- BHXH các huyện, thị xã, thành phố;
- VP và các Phòng nghiệp vụ BHXH tỉnh;
- Các ĐVSDLD trên địa bàn TP Thanh Hóa;
- Các đại lý thu BHYT trên địa bàn TP Thanh Hóa;
- Website SYT, Website BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, NYV SYT, VT BHXH tỉnh.

LIÊN NGÀNH
SỞ Y TẾ - BẢO HIỂM XÃ HỘI

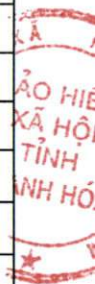
DỰ KIẾN
SỐ LƯỢNG THẺ BHYT ĐĂNG KÝ KHÁM CHỮA BỆNH BAN ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số: 4642/HDLN/SYT-BHXH ngày 21/12/2020)

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
I	Thành phố Thanh Hóa		420.900	138.900	46.200	79.500	69.900	76.400	10.000
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	38280	23.000	11.000	4.500	7.500			
2	Bệnh viện 71 Trung ương	38281	30.000	9.000	4.000	2.000	6.000	9.000	
3	Bệnh viện Nhi	38287	50.000			50.000			
4	PK Ban bảo vệ & chăm sóc sức khỏe cán bộ	38288	3.000	1.000	2.000				
5	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	38289	70.000	30.000	6.000	5.000	15.000	14.000	
6	Phòng khám đa khoa Tâm An	38739	7.000	3.000	800	500	1.200	1.500	
7	Bệnh viện đa khoa Thanh Hà	38725	20.000	7.000	4.000	2.000	4.000	3.000	
8	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	38733	30.000	10.000	5.000	2.000	5.000	8.000	
9	Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa	38742	2.000						2.000
10	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	38010	50.000	20.000	8.400	3.200	6.200	7.200	5.000
11	Phòng khám đa khoa - TTYT thành phố Thanh Hóa	38764							
	Trạm y tế xã, phường		82.900	25.400	6.500	4.000	22.800	21.200	3.000
12	Phòng khám đa khoa y học lâm sàng - Trường Cao đẳng y tế	38003	2.000	500			1.000	500	
13	Phòng khám đa khoa GTVT Thanh Hoá	38282	10.000	4.000	1.000	800	1.500	2.700	
14	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật TH	38730	2.000	1.000				1.000	
15	PKĐK phòng mạch 95 Lê Hoàn	38700	8.000	3.500	800	500	1.500	1.700	
16	Phòng khám đa khoa An Bình	38746	8.000	3.500	800	500	1.500	1.700	
17	Phòng khám đa khoa 246	38710	8.000	3.500	800	500	1.500	1.700	
18	Phòng khám đa khoa 246 cơ sở 2	38750	8.000	3.500	800	500	1.500	1.700	
19	Phòng khám đa khoa Đoàn Dung	38751	7.000	3.000	800	500	1.200	1.500	

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
II	Thị xã Bim Sơn		58.900	15.800	7.900	10.700	13.000	11.500	
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	38020	19.000	5.800	3.000	2.400	3.400	4.400	
2	Trạm y tế xã, phường		17.900	4.900	2.500	3.400	4.100	3.000	
3	Bệnh viện đa khoa ACA	38734	15.000	4.200	2.100	2.800	3.400	2.500	
4	Phòng khám đa khoa Hồng Phát	38787	7.000	900	300	2.100	2.100	1.600	
III	Thành phố Sầm Sơn		75.400	8.000	2.800	24.200	14.400	26.000	
1	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	25.000	2.700	900	8.000	4.800	8.600	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT thành phố Sầm Sơn	38776							
	Trạm y tế xã, phường		28.400	1.100	400	10.200	5.600	11.100	
3	Bệnh viện PHCN Tĩnh	38031	10.000	1.200	500	3.000	2.000	3.300	
4	Bệnh viện điều dưỡng PHCN TW	38034	12.000	3.000	1.000	3.000	2.000	3.000	
IV	Huyện Quan Hóa		47.300	3.100	700	43.250	150	100	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	38040	10.000	1.700	100	8.200			
2	TTYT huyện Quan Hóa	38782							
	Trạm y tế xã, phường		37.300	1.400	600	35.050	150	100	
V	Huyện Bá Thước		98.100	4.100	1.500	87.000	1.100	4.400	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	38050	10.000	2.400	200	6.900	100	400	
2	Trạm y tế xã, phường		81.100	1.400	1.200	73.900	900	3.700	
3	Phòng khám đa khoa Lương Điền	38738	7.000	300	100	6.200	100	300	
VI	Huyện Thường Xuân		84.400	4.400	1.500	63.600	9.250	5.650	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	10.000	2.500	200	3.500	1.100	2.700	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Thường Xuân	38768							
	Trạm y tế xã, phường		74.400	1.900	1.300	60.100	8.150	2.950	
VII	Huyện Như Xuân		62.200	3.500	1.700	49.500	1.100	5.500	900
1	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	38070	12.000	800	400	8.300	300	1.300	900
2	Trạm y tế xã, phường		41.200	1.300	1.100	34.600	700	3.500	
3	Phòng khám đa khoa Nhung Hiếu	38754	9.000	1.400	200	6.600	100	700	

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
VIII	Huyện Lang Chánh		45.100	2.300	900	40.000	1.000	900	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	38080	10.000	500	200	8.900	200	200	
2	TTYT huyện Lang Chánh	38772							
	Trạm y tế xã, phường		35.100	1.800	700	31.100	800	700	
IX	Huyện Ngọc Lặc		124.600	11.700	4.100	90.900	3.650	14.250	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	26.000	2.500	900	18.700	800	3.100	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Ngọc Lặc	38773	7.000	600	200	5.300	200	700	
	Trạm y tế xã, phường		84.600	7.900	2.800	61.800	2.450	9.650	
3	Phòng khám đa khoa An Phước - 68	38731	7.000	700	200	5.100	200	800	
X	Huyện Cẩm Thủy		96.200	5.600	3.400	63.400	8.900	14.500	400
1	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	15.000	900	500	9.500	1.400	2.300	400
2	TTYT huyện Cẩm Thủy	38779							
	Trạm y tế xã, phường		74.200	4.300	2.700	49.200	6.900	11.100	
3	Phòng khám đa khoa Giang Sơn	38722	7.000	400	200	4.700	600	1.100	
XI	Huyện Thạch Thành		129.000	13.800	4.600	82.200	9.300	19.100	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	15.000	3.300	1.400	7.600	900	1.800	
2	TTYT huyện Thạch Thành	38771							
	Trạm y tế xã, phường		107.000	9.800	3.000	70.000	7.900	16.300	
3	Phòng khám đa khoa Tâm Tài	38712	7.000	700	200	4.600	500	1.000	
XII	Huyện Thọ Xuân		181.100	13.100	10.600	61.900	74.100	21.400	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	38120	52.000	3.800	3.100	17.400	21.500	6.200	
2	Trạm y tế xã, phường		120.100	6.800	7.100	42.100	49.700	14.400	
3	Trạm y tế Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	38121	1.000	1.000					
4	Bệnh xá Công ty CP đường Lam Sơn	38123	1.000	1.000					
5	Phòng khám đa khoa Lam Sơn	38757	7.000	500	400	2.400	2.900	800	



STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
XIII	Huyện Vĩnh Lộc		74.200	9.800	3.900	24.200	20.700	15.600	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	38130	30.000	4.000	1.600	9.700	8.400	6.300	
2	TTYT huyện Vĩnh Lộc	38785							
	Trạm y tế xã, phường	38785	44.200	5.800	2.300	14.500	12.300	9.300	
XIV	Huyện Yên Định		145.400	27.600	7.400	45.900	39.500	24.200	800
1	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	38140	50.000	9.500	2.500	15.300	13.600	8.300	800
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Yên Định	38763							
	Trạm y tế xã, phường		65.400	11.500	3.100	22.300	18.400	10.100	
3	Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành	38732	30.000	6.600	1.800	8.300	7.500	5.800	
XV	Huyện Triệu Sơn		169.300	17.400	6.900	67.000	53.000	25.000	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	63.000	5.600	3.000	24.300	19.400	10.700	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Triệu Sơn	38770							
	Trạm y tế xã, phường		99.300	11.200	3.600	40.300	31.000	13.200	
2	Phòng khám đa khoa An Thịnh	38786	7.000	600	300	2.400	2.600	1.100	
XVI	Huyện Nông Cống		141.100	13.100	6.300	46.500	53.100	22.100	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	38160	45.000	4.200	2.000	14.900	16.900	7.000	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Nông Cống	38765							
	Trạm y tế xã, phường		54.100	5.100	2.400	17.700	20.400	8.500	
3	Phòng khám đa khoa Hà Nội - Nông Cống	38716	7.000	600	300	2.400	2.600	1.100	
4	Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan	38720	35.000	3.200	1.600	11.500	13.200	5.500	
XVII	Huyện Đông Sơn		67.600	6.900	3.500	21.500	19.700	16.000	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	38170	19.000	1.900	1.000	6.000	5.500	4.600	
2	Trạm y tế xã, phường		48.600	5.000	2.500	15.500	14.200	11.400	
XVIII	Huyện Hà Trung		95.700	15.400	5.700	30.600	37.000	7.000	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung	38180	35.000	5.500	2.000	11.000	13.300	3.200	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hà Trung	38778							
	Trạm y tế xã, phường		60.000	9.200	3.700	19.600	23.700	3.800	
3	TYT CT TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	38181	700	700					

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
XIX	Huyện Hoàng Hóa		164.900	14.700	9.200	67.900	52.500	20.600	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa	38190	58.000	5.200	3.200	23.900	18.500	7.200	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hoàng Hóa	38766							
	Trạm y tế xã, phường		66.900	5.900	3.800	27.400	21.300	8.500	
3	Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng	38721	22.000	2.000	1.200	9.100	7.000	2.700	
4	Bệnh viện đa khoa Hải Tiến	38736	18.000	1.600	1.000	7.500	5.700	2.200	
XX	Huyện Nga Sơn		117.400	15.700	4.600	35.700	35.400	26.000	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	60.000	7.400	2.700	18.300	19.100	12.500	
2	TTYT huyện Nga Sơn	38783							
	Trạm y tế xã, phường		43.400	6.500	1.300	13.200	12.100	10.300	
3	Phòng khám đa khoa Thành Đạt	38724	7.000	900	300	2.100	2.100	1.600	
4	Phòng khám đa khoa Đại An	38743	7.000	900	300	2.100	2.100	1.600	
XXI	Huyện Hậu Lộc		142.900	15.300	5.600	69.500	35.400	17.100	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	45.000	5.000	1.800	21.000	11.600	5.600	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hậu Lộc	38777							
	Trạm y tế xã, phường		90.900	9.600	3.500	45.000	22.100	10.700	
3	Phòng khám đa khoa Hải Tiến Star	38756	7.000	700	300	3.500	1.700	800	
XXII	Huyện Quảng Xương		160.000	15.300	5.800	53.400	49.300	36.200	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	38220	43.000	4.100	1.500	14.500	13.200	9.700	
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Quảng Xương	38767							
	Trạm y tế xã, phường		96.000	9.100	3.400	32.300	29.500	21.700	
3	Phòng khám đa khoa 123 - phố Môi	38715	7.000	700	300	2.200	2.200	1.600	
4	Phòng khám đa khoa 90	38726	7.000	700	300	2.200	2.200	1.600	
5	Phòng khám đa khoa An Phúc	38788	7.000	700	300	2.200	2.200	1.600	

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2021	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
XXIII	Thị xã Nghi Sơn		245.000	50.700	6.200	147.300	28.100	12.700	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	59.500	12.400	1.500	35.700	6.800	3.100	
2	TTYT thị xã Nghi Sơn	38775							
	Trạm y tế xã, phường		131.500	27.200	3.300	79.200	15.100	6.700	
3	Phòng khám đa khoa Việt Pháp III	38740	7.000	1.400	200	4.200	800	400	
4	Phòng khám đa khoa Chợ Kho	38791	7.000	1.400	200	4.200	800	400	
5	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực	38748	40.000	8.300	1.000	24.000	4.600	2.100	
XXIV	Huyện Thiệu Hóa		127.200	8.400	5.300	42.200	38.100	33.200	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	38240	47.200	3.100	2.000	15.700	14.100	12.300	
2	TTYT huyện Thiệu Hóa	38781							
	Trạm y tế xã, phường		50.000	3.300	2.100	16.500	15.000	13.100	
3	Phòng khám đa khoa An Việt	38711	10.000	700	400	3.300	3.000	2.600	
4	Bệnh viện đa khoa Đại An	38749	20.000	1.300	800	6.700	6.000	5.200	
XXV	Huyện Như Thanh		84.400	5.200	1.600	61.300	8.900	7.400	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	38250	15.000	2.300	200	9.300	2.200	1.000	
2	TTYT huyện Như Thanh	38784							
	Trạm y tế xã, phường		62.400	2.500	1.300	46.800	6.000	5.800	
3	Phòng khám đa khoa An Khang	38735	7.000	400	100	5.200	700	600	
XXVI	Huyện Quan Sơn		39.400	2.300	500	35.900	100	600	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260	10.000	400	100	9.400		100	
2	Trạm y tế xã, phường		29.400	1.900	400	26.500	100	500	
XXVII	Huyện Mường Lát		36.600	1.900	100	34.550	20	30	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	10.000	400		9.600			
2	TTYT huyện Mường Lát	38780							
	Trạm y tế xã, phường		26.600	1.500	100	24.950	20	30	
Tổng cộng			3.234.300	444.000	158.500	1.479.600	676.670	463.430	12.100